

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 720/CST-TN

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v giới thiệu Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và Thông tư số 20/2026/TT-BTC

Kính gửi:

- Các Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Chi cục Thuế Thương mại điện tử;
- Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

Ngày 15/12/2025, Chính phủ ký ban hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Ngày 12/3/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí giới thiệu một số nội dung của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và Thông tư số 20/2026/TT-BTC, đề nghị cơ quan thuế nghiên cứu, thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và Thông tư số 20/2026/TT-BTC nêu trên tới công chức thuế và người nộp thuế (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí thông báo để các cơ quan thuế được biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các đơn vị: CT, Vụ PC;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (06b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trương Bá Tuấn

Phụ lục
GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 320/2025/NĐ-CP
VÀ THÔNG TƯ SỐ 20/2026/TT-BTC

*(Kèm theo công văn số 720/CST-TN ngày 27/3/2026 của
Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí)*

Ngày 14/6/2025, Quốc hội thông qua Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 67/2025/QH15. Trong Luật có giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều và giao Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ của khoản chi được tính vào chi phí được trừ và thủ tục, hồ sơ được hưởng ưu đãi thuế.

Ngày 15/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN. Ngày 12/3/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNDN và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP. Tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngoài kế thừa các quy định về thuế TNDN vẫn còn phù hợp, đồng thời quy định chi tiết các nội dung mới được sửa đổi, bổ sung tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15; tại Thông tư số 20/2026/TT-BTC chủ yếu hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ. Các điểm mới chủ yếu của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và Thông tư số 20/2026/TT-BTC như sau:

1. Về người nộp thuế

- Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định doanh nghiệp nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

- Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung người nộp thuế thay bao gồm:

+ Tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số.

+ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

- Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài bao gồm cả nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

2. Về thu nhập chịu thuế

- Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán không bao gồm khoản thu liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

- Tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung làm rõ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài bao gồm cả chuyển nhượng trực tiếp

hoặc gián tiếp.

3. Về thu nhập được miễn thuế

- Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP tiếp tục kế thừa quy định trước đây, bao gồm cả tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên, tuy nhiên có bổ sung làm rõ để đảm bảo khả thi khi thực hiện. Cụ thể:

+ Bổ sung thu nhập từ thuê gia công, nhận gia công chế biến cũng được xác định là thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản.

+ Tại điểm b bổ sung quy định:

(i) Nguyên liệu đầu vào của hoạt động chế biến nông sản, thủy sản phải là nông sản, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường (bao gồm cả phụ phẩm của quá trình sơ chế nông sản, thủy sản).

(ii) Trường hợp sản phẩm tươi sống và được đông lạnh đạt độ âm từ 18 độ C trở lên (lạnh hơn), sản phẩm chế biến từ sản phẩm tươi sống thành sản phẩm chín, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu có pha trộn gia vị phụ liệu để ra hàng giá trị gia tăng cũng được coi là sản phẩm, hàng hóa thủy sản đã qua chế biến.

- Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp được miễn thuế gồm: Thu nhập từ dịch vụ thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt.

- Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa quy định:

+ Thời điểm tính thu nhập được miễn thuế tại khoản này tính từ khi có thu nhập.

+ Thời gian miễn thuế đối với thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam không quá 03 năm.

+ Bổ sung quy định thời gian miễn thuế đối với thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm bao gồm cả sản xuất thử nghiệm có kiểm soát là 03 năm. Đồng thời, bổ sung điều kiện sản phẩm sản xuất thử nghiệm được miễn thuế phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

+ Bổ quy định về điều kiện được miễn thuế đối với thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung vào thu nhập được miễn thuế đối với: Khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có mối quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước (NSNN) và từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập; khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định rõ:

+ Doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thực hiện theo quy định của pháp

luật về quản lý thuế.

+ Khoản tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật về chuyển đổi số.

+ Khoản hỗ trợ trực tiếp từ NSNN là khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật về NSNN.

+ Khoản bồi thường của Nhà nước được xác định theo pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật khác.

+ Quỹ Hỗ trợ đầu tư là Quỹ được thành lập, quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

- Tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản để cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ vào thu nhập được miễn thuế. Đồng thời quy định rõ:

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản được ghi tăng vào phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Doanh nghiệp sau cổ phần hóa, sắp xếp lại được trích khấu hao hoặc phân bổ dần vào chi phí theo giá trị đánh giá lại.

- Tại khoản 10 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu, chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh vào thu nhập được miễn thuế. Đồng thời quy định rõ:

+ Thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon là thu nhập của doanh nghiệp được cấp tín chỉ các-bon.

+ Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành là thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh mà doanh nghiệp trực tiếp mua của tổ chức phát hành trái phiếu xanh.

- Tại khoản 11 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao được miễn thuế bao gồm cả lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi tín phiếu kho bạc.

- Tại khoản 12 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa quy định về tiêu chí miễn thuế đối với phần thu nhập không chia của cơ sở xã hội hóa (XHH), hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng tỷ lệ phần thu nhập không chia trên thu nhập tính thuế tối thiểu là 25%.

- Tại khoản 14 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định thu

nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công vào thu nhập được miễn thuế, bao gồm:

+ Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.

+ Dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước phải hỗ trợ, đảm bảo kinh phí hoạt động do chưa tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ trong giá dịch vụ.

+ Dịch vụ sự nghiệp công tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

+ Dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước phải hỗ trợ, đảm bảo kinh phí hoạt động do chưa tính đủ chi phí quy định tại khoản này được xác định theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ).

Ngoài việc bổ sung, chỉnh sửa các khoản thu nhập được miễn thuế nêu trên, tại Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP đã bỏ quy định miễn thuế đối với thu nhập của văn phòng thừa phát lại trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự (do nội dung này không được quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15).

4. Về thu nhập chịu thuế và bù trừ thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế

Điều 6 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa quy định cho phép doanh nghiệp được bù trừ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư với lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trừ trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.

5. Về xác định lỗ và chuyển lỗ

Điều 7 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bỏ quy định: Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư nếu còn lỗ được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó. Đồng thời, do có thay đổi về quy định bù trừ lãi, lỗ tại Điều 6 nên tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định chuyển tiếp về chuyển lỗ, theo đó: Doanh nghiệp có số lỗ phát sinh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư) nhưng còn trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định thì tiếp tục được chuyển lỗ theo

quy định tại Nghị định này cho thời gian còn lại. Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư của các kỳ trước không được chuyển vào lãi từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế.

6. Về doanh thu

Tại điểm h khoản 3 Điều 8 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa quy định về doanh thu đối với hoạt động ngân hàng, chứng khoán (bao gồm cả chứng khoán phái sinh), bảo hiểm theo hướng dẫn chiểu thực hiện theo quy định đối với pháp luật về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về bảo hiểm; đối với dịch vụ tài chính phái sinh, việc xác định doanh thu thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan (nếu có). Đồng thời, tại điểm m khoản 3 Điều 8 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định cụ thể việc xác định doanh thu đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu thô, khí thiên nhiên.

Về quy định chi tiết việc xác định doanh thu tính thuế đối với doanh nghiệp nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể, tại Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định như sau:

- Tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định: Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu mà nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do bên Việt Nam trả thay nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

- Tại điểm k khoản 4 Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định: Đối với với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai, doanh thu tính thuế TNDN là giá chuyển nhượng hợp đồng tương lai từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng hợp đồng tương lai từng lần được xác định bằng giá thanh toán của hợp đồng tương lai tại thời điểm xác định doanh thu tính thuế nhân với Hệ số nhân hợp đồng nhân với Số lượng hợp đồng nhân với Tỷ lệ ký quỹ ban đầu chia cho 2 (Tỷ lệ ký quỹ ban đầu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam công bố theo quy định).

- Tại điểm l khoản 4 Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định: Đối với lãi tiền vay, doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ khoản thu mà bên cho vay nhận được từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; khoản thu từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); khoản thu từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; khoản thu từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), tín

phiếu; khoản thu từ lãi chứng chỉ tiền gửi. Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

- Tại điểm a khoản 7 Điều 10 Thông tư số 20/2026/TT-BTC bãi bỏ các quy định liên quan đến chính sách thuế TNDN tại các Điều 1, 2, 7, 10 và 13 (trừ điểm b.11 khoản 1 Điều 13) và Điều 16 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Về quy định chi tiết về thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN trong một số trường hợp cụ thể, tại Điều 5 Thông tư số 20/2026/TT-BTC đã quy định như sau:

- Đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam:

+ Hàng hóa xuất khẩu, thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là ngày chuyển giao quyền sở hữu theo hợp đồng xuất khẩu hàng hóa. Trường hợp không xác định được thời điểm chuyển giao quyền sở hữu thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN được căn cứ theo quy định về cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu của pháp luật về hải quan.

+ Hoạt động xây dựng, lắp đặt (bao gồm cả đóng tàu), thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là thời điểm nghiệm thu công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

+ Hoạt động chuyển nhượng vốn, thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng vốn ban đầu có hiệu lực theo quy định;

+ Chuyển nhượng chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai, thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là thời điểm khớp lệnh mua, bán hợp đồng tương lai của nhà đầu tư trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm hợp đồng tương lai đáo hạn.

7. Về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

(1) Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung như sau:

- Tại điểm a bổ sung quy định khoản chi bổ sung được trừ tối đa không quá 200% tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định này). Trong đó quy định rõ:

+ Việc xác định mức chi được trừ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đảm bảo sau khi áp dụng mức chi bổ sung, doanh nghiệp không bị lỗ.

+ Việc xác định khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan

đến hoạt động nghiên cứu và phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tại điểm b chỉnh sửa quy định về lập bảng kê như sau:

+ Bổ quy định lập bảng kê với trường hợp mua đất, đá, cát, sỏi của hộ, cá nhân tự khai thác trực tiếp bán ra.

+ Bổ sung quy định trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tại điểm c chỉnh sửa quy định về điều kiện chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, cụ thể:

+ Chỉnh sửa về mức và phạm vi áp dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: Khoản chi mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên.

+ Bổ sung quy định về việc áp dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho người lao động mua hàng hóa, dịch vụ từng lần mua có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên.

(2) Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP đã tập hợp các khoản chi được tính vào chi phí được trừ nếu đó là khoản chi thực tế phát sinh và đáp ứng các điều kiện tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9. So với trước đây, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các khoản chi thuộc nhóm này như sau:

- Tại các điểm c, đ, e và h bổ sung: Khoản chi phí đào tạo lại cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp; khoản tài trợ cho văn hóa, tài trợ cho phòng, chống dịch bệnh; khoản tài trợ cho phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong doanh nghiệp; khoản chi thực tế cho người được biệt phái tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

- Tại các điểm i, k, l và m bổ sung một số khoản chi thực tế phát sinh khác được tính vào chi phí được trừ như: Khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ; khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (điểm 2 Mục I, Mục III và Mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP), đồng thời, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hoà các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ;...

(3) Về hồ sơ khoản chi được tính vào chi phí được trừ

Tại Điều 3 Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định rõ các khoản chi được tính vào chi phí được trừ phải có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định và các thành phần hồ sơ. Thành phần hồ sơ cụ thể như sau:

- Hồ sơ của khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật gồm: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác; văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành về việc doanh nghiệp đã thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác.

- Hồ sơ của khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp gồm: Quyết định thành lập hoặc quy chế làm việc của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoặc kế hoạch sử dụng kinh phí phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp được phê duyệt (nếu có).

- Hồ sơ của khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật gồm: Hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp có quy định về chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động (bao gồm cả trường hợp hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp cho phép người lao động được thanh toán khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt); quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp phê duyệt danh sách cử người lao động tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp; hồ sơ đăng ký học của người lao động (bản sao); văn bằng, chứng chỉ xác nhận kết quả học tập của người lao động. Trường hợp không có văn bằng, chứng chỉ thì phải có giấy xác nhận của tổ chức giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động hoặc danh sách người lao động đã tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp.

- Hồ sơ của khoản chi thực tế cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc của doanh nghiệp là quy định/quy chế nội bộ của doanh nghiệp mà trong đó có quy định về khoản chi cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của doanh nghiệp.

- Hồ sơ của khoản chi thực tế cho người được biệt phái tham gia quản trị,

điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng gồm: Quyết định biệt phái của cơ quan có thẩm quyền; văn bản chấp thuận hoặc tiếp nhận biệt phái của tổ chức tín dụng nhận người được biệt phái; hợp đồng, thỏa thuận (nếu có) giữa các bên liên quan.

- Hồ sơ của một số khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ:

+ Đối với chi phí của bên tham gia dự thầu phải bỏ ra cho hoạt động tham gia đấu thầu nhưng không trúng thầu, hồ sơ gồm: Hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu; hồ sơ dự thầu khi tham gia đấu thầu gửi chủ đầu tư, bên mời thầu; kết quả lựa chọn nhà thầu do chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành (nếu có); các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu có).

+ Đối với chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ chuẩn bị cho việc sản xuất sản phẩm, dịch vụ mới, chi phí đầu tư cho dự án phát triển sản phẩm, dịch vụ mới nhưng không thành công hoặc dừng triển khai, hồ sơ gồm: Báo cáo nghiên cứu về phát triển thị trường, phát triển về sản phẩm, dịch vụ mới theo quy định tại điểm i2 khoản 2 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

+ Đối với chi phí tiền thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng trả cho các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chi phí tiền thuê đất trả cho Nhà nước đối với đất thuê của Nhà nước, trong đó đất và cơ sở hạ tầng này phải là địa điểm, trụ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hồ sơ gồm: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có); văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê đất, cơ sở hạ tầng, trong đó quy định rõ các khoản chi phí doanh nghiệp phải trả cho tiền thuê đất, chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng.

+ Đối với chi phí khấu hao hoặc phân bổ dần vào chi phí theo quy định đối với tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê, hồ sơ gồm: Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp đối với tài sản; hồ sơ quản lý và theo dõi hạch toán đối với tài sản theo quy định.

+ Đối với chi phí thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; chi phí khôi phục sau khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh (không phải là các khoản chi đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định); chi phí hoàn trả lại hiện trạng theo hợp đồng trước khi giải thể doanh nghiệp hoặc chấm dứt hoạt động chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hồ sơ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng

nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo hoặc giấy xác nhận về việc văn phòng đại diện tạm ngừng hoạt động/tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo; thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể hoặc thông báo về việc chấm dứt tồn tại chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh.

Trường hợp phát sinh chi phí hoàn trả lại hiện trạng trụ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh theo hợp đồng trước khi giải thể doanh nghiệp hoặc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp bổ sung biên bản bàn giao hiện trạng trụ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh trước khi tạm ngừng sản xuất, kinh doanh và biên bản bàn giao hiện trạng sau khi tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo hoặc biên bản bàn giao hiện trạng trước và sau khi giải thể doanh nghiệp hoặc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Đối với chi phí giới thiệu/marketing sản phẩm, dịch vụ trước khi bán hàng, hồ sơ gồm: Báo cáo về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm, dịch vụ theo quy định tại điểm i6 khoản 2 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

+ Đối với chi phí hủy hàng tồn kho hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, hàng hết hạn sử dụng, hàng không còn giá trị sử dụng, hàng không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường do quy định của các luật chuyên ngành; chi phí hủy nguyên liệu, vật tư, linh kiện không còn nhu cầu sử dụng, hồ sơ gồm: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện; biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện do doanh nghiệp lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án xử lý đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nêu trên do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm; quyết định thành lập Hội đồng xử lý việc tiêu hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện; quyết định xử lý của Hội đồng xử lý.

+ Đối với chi phí hủy tài sản do hư hỏng không còn nhu cầu sử dụng, hồ sơ gồm: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc hủy tài sản; biên bản kiểm kê giá trị tài sản do doanh nghiệp lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân hư hỏng, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án xử lý tài sản do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm; quyết định thành lập Hội đồng xử lý việc hủy tài sản; quyết định xử lý của Hội đồng xử lý.

+ Đối với chi phí hủy phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình gia công, sản xuất, hồ sơ gồm: Biên bản xác định việc hủy phế liệu, phế phẩm do doanh nghiệp lập và được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hồ sơ của khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng, đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Văn bản chấp thuận chủ trương hoặc phê duyệt dự án xây dựng công trình công cộng do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm; quyết định đầu tư hoặc hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền.

- Hồ sơ của khoản chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hoà các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Quyết định của người có thẩm quyền của doanh nghiệp về việc thực hiện giảm phát thải khí nhà kính; hồ sơ dự án hoặc đề án liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính.

- Hồ sơ của khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quy định của Chính phủ mà doanh nghiệp có nghĩa vụ phải nộp gồm: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc quy định của Chính phủ về việc thành lập quỹ; biên bản xác nhận doanh nghiệp đóng góp vào các quỹ (nếu có).

- Hồ sơ của khoản chi do doanh nghiệp ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt gồm: Hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ; quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người lao động khi mua hàng hóa, dịch vụ theo ủy quyền của doanh nghiệp; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động.

- Hồ sơ của khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên nếu đến thời điểm ghi nhận chi phí mà doanh nghiệp chưa thanh toán gồm: Hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ, biên bản bàn giao hàng hóa, dịch vụ và khi thanh toán doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Về hình thức hồ sơ: Quy định doanh nghiệp được lựa chọn các hình thức hồ sơ như: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp hoặc chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật.

- Về lưu giữ hồ sơ: Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu giữ, cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến các khoản chi phí để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp lưu giữ, cung cấp hồ sơ liên quan đến các nhiệm vụ, công tác quốc phòng, an ninh phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

8. Về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP đã bổ sung và sửa đổi, bổ sung một số khoản chi phí không được trừ; đồng thời, rà soát lại một số câu chữ đảm bảo rõ ràng, minh bạch, cụ thể:

- Tại khoản 4, khoản 10 quy định không được tính vào chi phí được trừ đối với phần chi vượt mức quy định, trong đó:

+ Bổ sung khoản chi trả lãi tiền vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

+ Chính sửa quy định về chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự.

+ Chính sửa quy định mức không chế khoản chi để đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động từ mức 03 triệu đồng/tháng/người lên mức 05 triệu đồng/tháng/người.

- Tại khoản 6 bổ sung: những tài sản dùng để phục vụ trực tiếp cho người lao động trong doanh nghiệp; tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị được cơ quan có thẩm quyền cho phép đánh giá lại được trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

- Tại khoản 7 chỉnh sửa khoản trích trước về sửa chữa lớn tài sản cố định theo quy định của pháp luật kế toán.

- Tại khoản 8 chỉnh sửa, bổ sung như sau:

+ Tại điểm b bổ sung: Văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con.

+ Tại điểm g chỉnh sửa chi phụ cấp phương tiện đi lại đi nghỉ phép không đúng theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Tại điểm k bổ sung: Chi trả trợ cấp thôi việc, chi bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động không theo đúng quy định không được tính vào chi phí được trừ.

- Tại khoản 12 bổ sung: Phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ không được tính vào chi phí được trừ không bao gồm: phần thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng biểu, hàng tặng không thu tiền theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phần thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tài trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP; phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không

thuộc trường hợp hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra.

- Tại khoản 16 quy định về lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế, trong đó lược bỏ quy định: chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động được phản ánh riêng biệt. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động để phù hợp với pháp luật về kế toán.

- Tại khoản 20 chỉnh sửa quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để phù hợp với quy định của pháp luật về khoáng sản. Cụ thể:

“20. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức tiền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

a) Khi thực hiện quyết toán số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, trường hợp số tiền đã nộp nhỏ hơn số phải nộp sau khi quyết toán thì số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp bổ sung được tính vào chi phí được trừ tại kỳ tính thuế phát sinh khoản nộp bổ sung của doanh nghiệp khai thác, thu hồi khoáng sản.

b) Trường hợp các giấy phép khai thác khoáng sản, văn bản cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản còn thời hạn khai thác, thu hồi khoáng sản tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính vào chi phí được trừ được xác định theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp sau quyết toán theo quy định của pháp luật về khoáng sản phân bổ đều cho số năm còn được khai thác, thu hồi.

c) Đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã tính vào chi phí được trừ theo kỳ tính thuế trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì không điều chỉnh lại”.

- Tại khoản 21 bổ sung quy định về chi phí trả lãi tiền vay của các hợp đồng BT, BOT, BTO, cụ thể:

+ Doanh nghiệp dự án BT, BOT, BTO được lựa chọn tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi trả lãi tiền vay của các hợp đồng BT, BOT, BTO theo thực tế phát sinh trong kỳ hoặc phân bổ chi phí lãi vay của các hợp đồng BT, BOT, BTO theo doanh thu.

+ Trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn áp dụng chi phí trả lãi tiền vay phân bổ theo doanh thu thì việc áp dụng phương pháp phân bổ chi phí trả lãi tiền vay được áp dụng trong suốt thời gian thực hiện dự án BT, BOT, BTO.

+ Phần chi phí trả lãi tiền vay theo thực tế phát sinh trong kỳ của các hợp đồng BT, BOT, BTO vượt mức chi phí lãi vay phân bổ theo doanh thu không được tính vào chi phí được trừ trong kỳ mà chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo.

+ Trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp phát sinh giao dịch liên kết thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

- Tại khoản 23 bổ sung quy định không được trừ đối với các khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành, bao gồm: Khoản chi cho làm thêm giờ vượt mức thời gian quy định của pháp luật về lao động; khoản chi quảng cáo trong trường hợp quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị cấm quảng cáo hoặc quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhưng doanh nghiệp không thực hiện đăng ký quảng cáo theo quy định của pháp luật; khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh không đúng hoặc vượt mức chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Về thuế suất

Tại Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định:

- Bổ sung mức thuế suất (15% và 17%) áp dụng cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng và từ trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng. Đồng thời quy định rõ:

+ Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm trước liền kề.

+ Trường hợp doanh nghiệp có thời gian hoạt động của kỳ tính thuế năm trước liền kề dưới 12 tháng thì tổng doanh thu kỳ tính thuế năm trước liền kề được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế đó chia cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế nhân với 12 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong tháng bất kỳ của kỳ tính thuế năm trước liền kề thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng.

+ Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế và dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế không quá 03 tỷ đồng hoặc không quá 50 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý tương ứng theo mức thuế suất 15% hoặc 17%.

Kết thúc kỳ tính thuế, trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế như dự kiến thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNDN theo quy

định. Trường hợp tổng doanh thu thực tế không đáp ứng điều kiện để hưởng mức thuế suất tương ứng như dự kiến dẫn đến nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp theo quy định thì doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

+ Thuế suất 15% và 17% quy định tại Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất 15% và 17%.

- Sửa đổi quy định về khung thuế suất đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí từ 25% đến 50%.

10. Về phương pháp tính thuế

- Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa quy định về kê khai, nộp thuế đối với doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài: Khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài được kê khai vào quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế phát sinh khoản thuế TNDN phải nộp ở nước ngoài.

Đồng thời, cũng tại khoản này bổ sung các quy định sau:

+ Trường hợp tại thời điểm doanh nghiệp kê khai và nộp thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN của Việt Nam mà khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài chưa nộp thuế TNDN ở nước ngoài thì sau khi nộp thuế ở nước ngoài, doanh nghiệp thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế để điều chỉnh số thuế TNDN đã nộp tại Việt Nam (nếu có). Trường hợp phát sinh số thuế nộp thừa thì doanh nghiệp được hoàn hoặc chuyển sang kỳ sau theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

+ Đối với doanh nghiệp là công ty mẹ có số thuế được phân bổ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thì số thuế được phân bổ được trừ vào số thuế TNDN phải nộp theo pháp luật thuế TNDN của Việt Nam nhưng tổng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật Thuế TNDN của Việt Nam.

Việc bù trừ quy định tại điểm này được thực hiện vào kỳ tính thuế mà doanh nghiệp kê khai và nộp thuế theo quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15.

- Tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung quy định về phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại Việt Nam, cụ thể:

+ Bổ sung quy định doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng; doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất

khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng không phải nộp thuế TNDN.

+ Bổ sung quy định chuyển nhượng vốn (trừ trường hợp giao dịch tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam sau tái cơ cấu và không phát sinh thu nhập) nộp thuế theo tỷ lệ 2%.

Quy định chi tiết nội dung này, tại điểm m khoản 2 Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC đã quy định cụ thể doanh nghiệp nước ngoài chuyển nhượng vốn dưới hình thức giao dịch tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam sau tái cơ cấu và không phát sinh thu nhập, bao gồm các trường hợp: Chia, tách công ty; hợp nhất công ty; sáp nhập công ty; hoán đổi cổ phần; góp vốn bằng cổ phần; phân chia lợi nhuận, cổ tức bằng cổ phiếu trong nội bộ tập đoàn và các giao dịch dịch chuyển sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam.

Việc chuyển nhượng vốn dưới hình thức giao dịch tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam được coi là không phát sinh thu nhập khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Không làm thay đổi chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng; giá trị chuyển nhượng không ghi cao hơn giá trị ghi sổ hoặc giá trị vốn góp ban đầu; giao dịch không tạo chênh lệch giá trị, giá trị được xác định theo hồ sơ tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không cao hơn giá trị được ghi nhận tại thời điểm chuyển nhượng vốn; bên nhận chuyển nhượng kế thừa toàn bộ giá trị vốn, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến khoản đầu tư của bên chuyển nhượng.

+ Căn cứ quy định tại Điều 2, Điều 11 của Luật Thuế TNDN, Điều 2, khoản 4 Điều 3 và khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, tại Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định về phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế TNDN đối với các đối tượng thuộc điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP. Theo đó, kể từ ngày 12/3/2026 không còn phương pháp hỗn hợp như tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ đang áp dụng theo phương pháp hỗn hợp quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC được ký kết trước ngày 12/3/2026 thì việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN tiếp tục thực hiện như quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng.

- Tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung quy định doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng, trong trường hợp không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:

- + Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,3%.
- + Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2%.
- + Dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay), xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 4%.
- + Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số: 4%.
- + Hoạt động khác: 0,5%.

- Bộ quy định về gộp kỳ tính thuế năm đầu tiên và kỳ tính thuế năm cuối cùng có thời gian ngắn hơn 03 tháng thì được cộng với kỳ tính thuế năm tiếp theo hoặc kỳ tính thuế năm trước đó (đảm bảo kỳ tính thuế TNDN năm đầu tiên hoặc năm cuối cùng không vượt quá 15 tháng) để chuyển sang quy định tại văn bản về quản lý thuế do đây là nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quản lý thuế.

11. Về thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Tại Điều 13 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung:

- Chỉnh sửa khái niệm thu nhập từ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp để bổ sung nội dung chuyển nhượng vốn bao gồm chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Bổ sung quy định doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn cho tổ chức, cá nhân có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

12. Về thu nhập từ đầu tư chứng khoán

Tại Điều 14 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung:

- Chỉnh sửa khái niệm chuyển nhượng chứng khoán: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Bổ sung quy định Quỹ đầu tư chứng khoán (trừ công ty đầu tư chứng khoán) không thuộc đối tượng nộp thuế TNDN. Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán khấu trừ thuế TNDN phải nộp của tổ chức đầu tư (không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hay tổ chức đầu tư nước ngoài) khi Quỹ đầu tư chứng khoán chia lợi tức cho nhà đầu tư theo thuế suất 20%. Lợi tức chịu thuế không bao gồm phần lợi tức thuộc diện được miễn thuế hoặc đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

13. Về thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

- Tại Điều 15 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung khái niệm thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản như sau:

+ Tại khoản 2 chỉnh sửa để bổ sung “*Thu nhập từ hoạt động cho thuê quyền sử dụng đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai*” vào diện thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp có hoạt động cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất nhưng không có quyền cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì thu nhập này không phải là thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

+ Tại khoản 6 bổ sung: Thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê bất động sản của Quỹ đầu tư bất động sản theo quy định của pháp luật.

Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán kê khai và nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê bất động sản quy định tại khoản này.

- Tại Điều 16 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung như sau:

+ Về đối tượng xử lý tài sản bảo đảm: Bổ sung tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán, xử lý nợ và tổ chức có thẩm quyền bán đấu giá bất động sản, tài sản khác thuộc đối tượng điều chỉnh khi xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tài sản khác.

+ Bổ sung tài sản bảo đảm được xử lý bao gồm cả tài sản khác.

- Tại Điều 17 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP chỉnh sửa, bổ sung về chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ:

+ Bổ sung quy định giá vốn của đất chuyển quyền phù hợp với nguồn gốc quyền sử dụng đất trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì giá vốn bao gồm cả số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai khi chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Chỉnh sửa quy định chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do doanh nghiệp tự nguyện ứng trước theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Bổ quy định về chi phí đền bù thiệt hại về đất và chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu do các khoản này đã nằm trong chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

14. Về ưu đãi thuế TNDN

Tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP bổ sung 01 điều (Điều 18) để quy định riêng về nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN, theo đó tại Điều 19 quy định về thuế suất ưu đãi không nhắc lại ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế mà dẫn chiếu thực hiện theo ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế quy định tại Điều 18. Nội dung chỉnh sửa, bổ sung về ưu đãi thuế TNDN tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

như sau:

(1) Tại Điều 18:

- Bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp Nghị định khác của Chính phủ có quy định về ưu đãi thuế TNDN khác với quy định của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, trừ Nghị định quy định chi tiết Luật Thủ đô, Nghị định được ban hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và điểm h khoản 8 Điều 10 Luật Tổ chức Chính phủ, các văn bản hướng dẫn các Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù của Quốc hội và các Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các trường hợp tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Quy định chi tiết về đối tượng ưu đãi thuế TNDN (ngành, nghề, địa bàn và các hoạt động được ưu đãi):

+ Bổ sung chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với: Dự án thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt; ứng dụng công nghệ chiến lược; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng; sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm, sản xuất thiết bị điện tử; nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; sản xuất sản phẩm công nghiệp hóa chất trọng điểm và sản phẩm cơ khí trọng điểm; sản xuất quốc phòng, an ninh và sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; sản xuất, lắp ráp ô tô; sản xuất sản phẩm công nghệ số khác.

+ Bổ sung doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào diện áp dụng ưu đãi thuế TNDN.

+ Bổ sung thu nhập từ hoạt động báo chí khác (ngoài báo in), bao gồm cả quảng cáo trên báo vào diện áp dụng thuế suất ưu đãi 10%.

+ Lược bỏ ưu đãi đối với các ngành, nghề có tính trùng lặp, dàn trải, không có tiêu chí xác định rõ ràng, không phù hợp với pháp luật chuyên ngành như tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

+ Không áp dụng ưu đãi riêng đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp (các dự án đầu tư tại khu công nghiệp sẽ hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện ngành, nghề, địa bàn ưu đãi mà dự án đáp ứng).

+ Quy định rõ địa bàn địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn là địa bàn theo địa giới hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Chính sửa cụm từ “khu công nghệ thông tin tập trung” thành “khu công

nghệ số tập trung”.

(2) Tại Điều 19, Điều 20:

- Sửa đổi, bổ sung mức ưu đãi của dự án đầu tư tại khu kinh tế không nằm trên địa bàn ưu đãi thuế được áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm (giữ nguyên mức ưu đãi thuế hiện hành đối với dự án đầu tư tại khu kinh tế nằm trên địa bàn ưu đãi thuế).

- Chính sửa quy định về điều kiện kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đối với dự án đầu tư mới quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, có ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội cần đặc biệt khuyến khích.

- Chính sửa quy định về thời gian bắt đầu áp dụng thuế suất ưu đãi, miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó:

+ Thời gian bắt đầu tính ưu đãi thuế đối với các loại hình trên áp dụng theo quy định chung (thuế suất ưu đãi kể từ khi có doanh thu, miễn, giảm thuế kể từ khi có thu nhập).

+ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (sau đây gọi là Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi) sau thời điểm phát sinh doanh thu thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

+ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi sau thời điểm phát sinh thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi. Trường hợp tại năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà chưa có thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm đầu tiên có thu nhập, nếu trong 03 năm đầu kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế thì thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ năm thứ 04 kể từ năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

- Chính sửa quy định về tiêu chí ưu đãi và việc áp dụng ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng (ĐTMR). Cụ thể:

+ Về quy định áp dụng ưu đãi thuế đối với dự án ĐTMR:

(i) Bỏ quy định doanh nghiệp đáp ứng một trong ba tiêu chí về ĐTMR thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do ĐTMR mang lại. Theo đó, theo quy định tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, doanh nghiệp có dự án ĐTMR thì phần thu nhập tăng thêm từ ĐTMR được hưởng ưu đãi

thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại và không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ ĐTMR với thu nhập từ dự án đang hoạt động; trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án ĐTMR đáp ứng các tiêu chí về ĐTMR được miễn thuế, giảm thuế và không được hưởng ưu đãi về thuế suất.

(ii) Chính sửa quy định về thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ năm dự án ĐTMR hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký và có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký từ dự án ĐTMR thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án ĐTMR hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký.

(iii) Bổ sung quy định số vốn đầu tư đăng ký đã hoàn thành giải ngân được xác định bằng chênh lệch giữa nguyên giá tổng tài sản cố định (TSCĐ) trên Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp hoàn thành dự án ĐTMR so với thời điểm trước khi thực hiện ĐTMR. Trong thời gian doanh nghiệp chưa hoàn thành giải ngân số vốn đầu tư đã đăng ký thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế cho dự án ĐTMR.

Quy định chi tiết về số vốn đăng ký đầu tư của dự án ĐTMR, tại Điều 8 Thông tư số 20/2026/TT-BTC đã quy định rõ khi triển khai thực hiện dự án ĐTMR, doanh nghiệp có văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cùng thời điểm nộp Tờ khai quyết toán thuế TNDN chậm nhất vào năm thực hiện dự án ĐTMR để thông báo về số vốn đăng ký đầu tư của dự án ĐTMR. Trong quá trình thực hiện dự án ĐTMR nếu doanh nghiệp có thay đổi về số vốn đầu tư đã đăng ký thì doanh nghiệp thông báo lại với cơ quan thuế.

(iv) Bổ sung quy định về cách xác định tổng nguyên giá TSCĐ của doanh nghiệp gồm: Nguyên giá TSCĐ ĐTMR đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và nguyên giá TSCĐ hiện có đang dùng cho sản xuất, kinh doanh theo số liệu cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán (Báo cáo tình hình tài chính) năm.

+ Về tiêu chí ưu đãi: Chính sửa quy định tiêu chí về nguyên giá TSCĐ tăng thêm đối với dự án ĐTMR (từ 20 tỷ lên 40 tỷ đối với dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư hoặc 10 tỷ lên 20 tỷ đối với dự án tại địa bàn ưu đãi đầu tư). Các tiêu chí còn lại giữ như quy định trước đây.

(3) Tại Điều 21:

- Bổ sung giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn.

- Bổ sung quy định miễn thuế 02 năm liên tục đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh (kể từ khi có thu nhập chịu thuế).

- Bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

(4) Tại Điều 22:

- Nâng mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp từ mức 10% lên mức 20% thu nhập tính thuế hàng năm.

- Chính sửa quy định về lãi suất áp dụng đối với phần trích Quỹ không được sử dụng hết là lãi suất trái phiếu kho bạc bằng đồng Việt Nam loại kỳ hạn 05 năm hoặc 10 năm (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) phát hành gần thời điểm thu hồi nhất phù hợp với mức lãi suất trái phiếu được phát hành trong thực tế và thời gian tính lãi là 02 năm, kể cả trường hợp doanh nghiệp hoàn nhập Quỹ trước thời hạn 05 năm.

- Bổ sung quy định về việc quản lý, sử dụng Quỹ trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

Quy định chi tiết nội dung này, tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 20/2026/TT-BTC đã quy định trường hợp TSCĐ đã được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa hết hao mòn mà được chuyển giao cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thì phần giá trị còn lại của TSCĐ tính vào thu nhập khác và phần giá trị còn lại của TSCĐ đó được trích khấu hao, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(5) Tại Điều 23:

- Tại khoản 2 bổ sung quy định về nguyên tắc lựa chọn ưu đãi thuế trong trường hợp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế:

+ Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN mà lựa chọn chuyển sang áp dụng ưu đãi thuế theo tiêu chí khác có mức ưu đãi thuế có lợi hơn thì phải trừ đi thời gian ưu đãi (số năm đã áp dụng miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi) đã hưởng.

+ Trường hợp doanh nghiệp đã hưởng hết ưu đãi thuế TNDN theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN mà được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng mức ưu đãi áp dụng cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi đã hưởng trước đó theo quy định của pháp luật về thuế TNDN (số năm đã áp dụng miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi).

+ Trường hợp doanh nghiệp có khoản thu nhập trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp vừa đáp ứng điều kiện theo ngành, nghề ưu đãi thuế khác hoặc theo địa bàn ưu đãi mà doanh nghiệp lựa chọn hưởng ưu đãi theo ngành, nghề ưu đãi khác hoặc theo địa bàn ưu đãi thuế thì sau khi hết thời gian ưu đãi theo ngành nghề ưu đãi khác hoặc theo địa bàn ưu đãi (bao gồm cả thời

gian miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi) thì được chuyển sang áp dụng mức thuế suất ưu đãi hoặc miễn thuế áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

+ Trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn hưởng ưu đãi theo quy định tại các điểm nêu trên thì áp dụng mức ưu đãi đã lựa chọn cho toàn bộ thời gian hưởng ưu đãi còn lại; sau khi lựa chọn doanh nghiệp không được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo tiêu chí khác.

- Tại khoản 3 bổ sung quy định về áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn:

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất hưởng ưu đãi thuế theo tiêu chí địa bàn mà có phát sinh thu nhập từ cung cấp sản phẩm, hàng hóa do dự án sản xuất ra ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư thì cũng được hưởng ưu đãi thuế đối với khoản thu nhập này.

+ Dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ tại địa bàn ưu đãi thuế chỉ được hưởng ưu đãi đối với thu nhập của dự án đầu tư phát sinh tại địa bàn thực hiện dự án đầu tư.

- Tại khoản 5 chỉnh sửa quy định về ưu đãi thuế trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp: Thu nhập được miễn thuế, ưu đãi thuế trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp bao gồm cả thu nhập từ thanh lý tài sản là sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và thu nhập từ việc bán phế liệu, phế phẩm là sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

- Tại khoản 8 vẫn giữ nguyên tắc dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời bổ sung quy định: Dự án đầu tư không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì việc xác định dự án đầu tư mới căn cứ vào Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

- Tại khoản 9 bổ sung quy định loại trừ ưu đãi đối với thu nhập từ sản xuất, kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng; thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền, lọc hóa dầu). Đồng thời chỉnh sửa quy định rõ nguyên tắc loại trừ ưu đãi thuế đối với: Các khoản thu nhập khác không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế (bao gồm cả trường hợp thực hiện dự án đầu tư đáp ứng điều kiện ưu đãi về ngành, nghề và điều kiện ưu đãi về địa bàn ưu đãi đầu tư).

15. Về chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

- Tại Điều 24 bổ sung quy định về xác định thời gian áp dụng trong một số trường hợp cụ thể:

+ Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí, ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 hoặc từ ngày Luật Thuế TNDN có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; trường hợp kỳ tính thuế năm 2025 của doanh nghiệp bắt đầu sau ngày Luật Thuế TNDN có hiệu lực thì áp dụng từ ngày Luật Thuế TNDN có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm c khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Tại Điều 25 quy định về điều khoản chuyển tiếp:

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư (mới và mở rộng) không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo văn bản về thuế trước thời điểm Luật Thuế TNDN 67/2025/QH15 có hiệu lực thi hành nhưng thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Thuế TNDN 67/2025/QH15 thì được áp dụng ưu đãi theo quy định của Luật Thuế TNDN 67/2025/QH15 cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư (mới và mở rộng) được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp phép hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trường hợp pháp luật về thuế có sửa đổi, bổ sung mà đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật mới được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế suất theo pháp luật tại thời điểm cấp phép, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, được phép đầu tư hoặc theo pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung cho thời gian còn lại.

+ Doanh nghiệp có dự án ĐTMR được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được phép đầu tư trước ngày 01/10/2025 thì việc xác định ưu đãi và thời điểm tính hưởng ưu đãi thuế thực hiện theo quy định của văn bản có hiệu lực tại thời điểm được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được phép đầu tư./.